TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/HS-ST
Ngày 03-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Mến.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Phèng.
2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Ông Đinh Hồng Buôi – Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà:*** Bà Đinh Thị Hương - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 05/5/2021, đối với bị cáo:

Lê Văn Đ (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 14/10/1989 tại tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm 5, Hợp tác xã Q, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Chỗ ở hiện nay: Không có nơi ở ổn định.

Nghề nghiệp: Thợ mộc; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn Giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Lê Xuân T1, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1967. Vợ: Đinh Thị H, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 02, lớn sinh năm 2010 và nhỏ sinh năm 2015.

Tiền sự, tiền án: Không.

Tạm giữ từ 20 giờ 45 phút ngày 21/12/2020 đến ngày 30/12/2020 có lệnh tạm giam, hiện bị cáo đang bị tam giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện S. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Bạch Thị M, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Th, xã Ph, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Lê Cao Minh T2, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị C1, sinh năm 1996. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Đinh Thị Ph, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Trần Tiến Th, sinh năm 1968. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người phiên dịch: Bà Đinh Thị Mỹ H – Cán bộ làm công tác xã hội tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017 đến tháng 12/2020, Lê Văn Đ sống như vợ chồng cùng với bà Đinh Thị C1 (sinh năm 1996, trú tại xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi) nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian sinh sống từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2020, Lê Văn Đ đã thực hiện hai lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 8/2020, Lê Văn Đ đi làm mộc thuê cho ông Đ1 tại Tổ dân phố Th, xã Ph, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian làm mộc tại đây, Lê Văn Đ phát hiện người dân thường hay để xe mô tô có gắn sẵn chìa khóa trong ổ khóa điện trên xe, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sáng ngày 21/8/2020, Đ đi bộ đến đoạn đường gần cảng S thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe JUPITER, màu sơn vàng - đen, biển số 76H1-160.61 của bà Bạch Thị M đang dựng ngoài đường phía trước nhà của bà M, có gắn chìa khóa xe trong ổ khóa điện trên xe và không có người trông coi, Đ lén lút đến dùng tay bật chìa khóa xe, khởi động cho xe nổ máy và điều khiển xe mô tô biển số 76H1-160.61 đi đến khu dân cư Ng ở thành phố Q để mua ma túy sử dụng. Tại đây, Đ gặp C2 (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể là bạn nghiện ma túy với Đ), Đ nhờ C2 tìm chỗ cầm thế xe mô tô 76H1-160.61 thì được C2 đồng ý và điện thoại cho một người (không xác định tên, địa chỉ cụ thể) đến gặp Đ, Đ cầm thế xe mô tô 76H1-160.61 với số tiền 3.000.000đồng nhưng chỉ nhận được số tiền 2.700.000đồng, còn số tiền 300.000đồng người nhận cầm xe giữ lại để tính lãi xuất.

Đến ngày 23/8/2020, Đ gọi điện thoại cho Đinh Thị C1 mượn số tiền 1.000.000đồng và hỏi mượn của Đinh Thị Ph (là chị con bác ruột của C1, ở gần nhà) số tiền 2.000.000đồng, C2 và Ph đi xuống thành phố Q gặp và đưa số tiền 3.000.000đồng cho Đ. Đ sử dụng số tiền này nhờ ông C chuộc lại xe mô tô 76H1-160.61 đã cầm cố trước đó. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô 76H1-160.61 về lại huyện S để làm phương tiện đi lại.

Lần thứ hai: Vào khoảng 10 giờ 10 phút, ngày 17/12/2020, Lê Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 76S7-9041 kiểu dáng Wave, màu sơn xanh dương (theo Đ khai xe mô tô này do ông Đ1 đưa cho Đ sử dụng vì ông Đ1 không có tiền trả công cho Đ) đi từ huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đến thành phố Q để mua ma túy sử dụng. Khi đi đến đoạn đường Tỉnh lộ 623B thuộc Xóm Nh, thôn Đ, xã S, huyện S thì xe máy

của Đ bị hỏng, nên Đ dắt bộ đi ngược lại theo hướng Xóm Nh đi ngã ba cây Tr, xã T, huyện S. Khi Đ dắt xe đi đến đoạn đường phía trước nhà bà Cao Thị Bích Th thì nhìn thấy trong sân nhà của bà Th có một xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đen, biển số 76M1-126.95 của ông Lê Cao Minh T2, có gắn chìa khóa trong ổ khóa điện trên xe và không có người trông coi, nên Đ bỏ lại xe mô tô biển số 76S7-9041 ở ngoài đường, mở cửa cổng nhà bà Th, đột nhập vào sân nhà, rồi lén lút trộm cắp xe mô tô biển số 76M1-126.95 dắt ra ngoài đường, khởi động cho xe nổ máy và điều khiển xe đến thành phố Q, đến gặp người tên U (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) ở đường L, gần khu vực Ng để mua ma túy sử dụng. Sau đó, Đ gặp C2 tại khu vực đường sắt thuộc đường Ng, thành phố Q và Đ nói cho C2 biết xe mô tô 76M1-126.95 do Đ trộm cắp được, nên C2 bảo Đ đứng đợi rồi C2 đi lấy một biển số xe mô tô loại bốn số, có nền màu trắng, chữ màu đen (không xác định được số) đưa cho Đ để thay đổi biển số xe 76M1-126.95, nhưng Đ không thay đổi biển số xe mà bỏ biển số xe C2 đưa vào cốp xe, rồi Đ điều khiển xe mô tô đi về lại huyện S. Khi đi đến suối M, xã S, huyện S thì Đ vứt bỏ biển số xe C2 đưa xuống suối, rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô 76M1-126.95 đến xưởng mộc của ông Trần Tiến Th để cất giấu. Đến ngày 19/12/2020, để tránh bị phát hiện, Đ điều khiển xe mô tô 76M1-126.95 đến nhà của Đinh Thị Ph tháo đổi biển số của xe 76H1-160.61 gắn vào xe mô tô đã trộm cắp của ông T2, rồi sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 21/12/2020, Lê Văn Đ điều khiển xe trộm cắp của ông T2 đến thành phố Q để mua ma túy sử dụng thì bị Công an huyện S bắt giữ Đ cùng với xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đen của ông T2, có gắn biển số 76H1-160.61.

Tại Bản kết luận 33/KL-HĐĐG, ngày 24/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đen, biển số 76M1-126.95, số khung 3827GY060393, số máy JA38E0191117 có giá trị 13.000.000đồng *(Mười ba triệu đồng)* và tại bản kết luận 06/KL-HĐĐG, ngày 05/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe JUPITER, màu sơn vàng - đen, biển số 76H1-160.61, số khung PB30EY048471, số máy 1PB3048472 có giá trị 7.000.000đồng *(Bảy triệu đồng)*.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn Đen, số khung 3827GY060393, số máy JA38E0191117, có gắn biển số 76H1 - 160.61; 01 xe mô tô kiểu dáng WAVE, màu xanh da trời, biển số 76S7 – 9041; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe JUPITER, màu sơn vàng - đen, có gắn biển số 76M1 - 126.95; 01 mũ bảo hiểm 3/4 đầu, màu sơn Đỏ, có kính chắn gió phía trước; 01 áo mưa màu sơn Đỏ thẫm, phía sau có dòng chữ elf gaz danang; 01 đôi dép xốp, màu xanh - đen, có dòng chữ DUWA, mặt ngoài quai dép có màu trắng sọc ngang; 01 chìa khóa xe mô tô, có dòng chữ HONDA, có gắn móc khóa hình tròn.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã trả lại xe mô tô xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn Đen, biển số 76M1-126.95 cùng 01 chìa khóa xe mô tô, có dòng chữ HONDA, có gắn móc khóa hình tròn cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lê Cao Minh T2 và trả lại xe mô tô nhãn

hiệu YAMAHA, loại xe JUPITER, màu sơn vàng đen, số biển số 76H1 - 160.61 cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Bạch Thị M, họ đã nhận đủ và không còn yêu cầu gì về phần dân sự.

Bản cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố Lê Văn Đ về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xác định Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Lê Văn Đ về tội " Trộm cắp tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật nên giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Lê Văn Đ từ 18 tháng đến 24 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về phần dân sự: Trong quá trình điều tra, ông Lê Cao Minh T2 và bà Bạch Thị M đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không còn yêu cầu gì; bà Đinh Thị C1 và bà Đinh Thị Ph không yêu cầu bị cáo Đ trả lại số tiền đã mượn, nên Viện kiểm sát không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên: Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 mũ bảo hiểm 3/4 đầu, màu sơn Đỏ, có kính chắn gió phía trước; 01 áo mưa màu sơn Đỏ thẫm, phía sau có dòng chữ elf gaz danang và 01 đôi dép xốp, màu xanh - đen, có dòng chữ DUWA, mặt ngoài quai dép có màu trắng sọc ngang.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: Bị cáo không bào chữa, tranh luận và thống nhất về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi của mình là đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, phù hợp lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định:

Lần thứ nhất: Vào ngày 21/8/2020 tại Tổ dân phố Th, xã Ph, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, bị cáo Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô 76H1 - 160.61 của bà Bạch Thị M với trị giá là 7.000.000đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 17/12/2020 tại nhà bà Cao Thị Bích Th thuộc thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, bị cáo Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô 76M1-126.95 của ông Lê Cao Minh T2 với trị giá là 13.000.000 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại trong vụ án là 20.000.000đồng.

Vì vậy, hành vi của bị cáo Lê Văn Đ đã phạm tội " Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rằng quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, bất kỳ một hành vi chiếm đoạt trái pháp luật nào cũng đều bị xử lý nghiêm theo quy định, nhưng vì muốn có tiền mua ma túy để sử dụng, ý thức coi thường pháp luật, lười lao động nên bị cáo vẫn bất chấp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn Đ đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó cả 02 lần trộm cắp tài sản đều trên 2.000.000đồng do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Đối với ông Trần Tiến Th (là chủ xưởng mộc xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi), sau khi Lê Văn Đ trộm cắp xe mô tô 76M1-126.95 của ông T2, Đ có mang xe về cất giấu tại xưởng mộc của ông Th. Tuy nhiên, qua điều tra xác định, ông Th hoàn

toàn không biết việc Đ trộm cắp xe mô tô 76M1-126.95 của ông T2 nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S không xem xét xử lý hành vi của ông Th về Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên không xem xét.

Đối với bà Đinh Thị C1 đã cho Đ mượn số tiền 1.000.000đồng và Đinh Thị Ph đã cho Đ mượn số tiền 2.000.000 đồng để Đ chuộc lại xe mô tô 76H1-160.61, sau đó Đ điều khiển xe mô tô này đến để tại nhà của Phương, nhưng qua điều tra xác định, bà C1 và bà Ph hoàn toàn không biết đây là tài sản do Đang trộm cắp mà có, nên hành vi của bà C1 và bà Ph không đủ yếu tố cấu thành tội Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên không xem xét.

Đối với người tên C2, theo lời khai của Lê Văn Đ, C2 là người có hành vi giúp Lê Văn Đ tìm cầm cố xe mô tô 76H1-160.61 và đưa cho Đ một biển số xe mô tô khác để thay đổi biển số xe khi biết Đ trộm cắp xe mô tô biển số 76M1-126.95 nhằm tránh bị phát hiện. Tuy nhiên, qua kết quả điều tra không xác định được họ và tên, nơi ở cụ thể của C2, nên chưa làm rõ được C2 có đồng phạm với Đ trong việc trộm cắp tài sản không. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, điều tra và xử lý sau, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ.

Đối với người tên U (B), theo lời khai của Lê Văn Đ, thì người tên U (B) này đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Lê Văn Đ để Đ sử dụng. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, không xác định được họ tên, nơi ở cụ thể của đối tượng U (B) này, nên không làm rõ được người tên U (B) này có hành vi mua bán ma túy cho Đ hay không. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S sẽ tiếp tục xác minh, để xử lý sau, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ.

Đối với ông Lê Văn Đ1, theo lời khai của Đ thì ông Lê Văn Đ1 quê Nam Định là người đã đưa xe mô tô 76S7-9041 cho Lê Văn Đ sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã tiến hành xác minh tại xã B, huyện B, tuy nhiên không xác định được người tên Lê Văn Đ1, Đ1 cũng không đăng ký tạm trú tại xã B, nên chưa chứng minh được nguồn gốc xe mô tô 76S7-9041 có phải của ông Đ1 đưa cho Đ sử dụng không. Đồng thời, qua kết quả điều tra xác định, xe mô tô 76S7-9041 (là xe của ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1981, trú tại Tổ dân phố Th, phường Ph, thị xã Đ), xe này ông S bị mất trộm vào ngày 27/8/2020 tại Tổ dân phố Th. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S trao đổi thông tin tội phạm, thì ngày 03/3/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra thị xã Đ có Công văn số 103/ĐCSHS về việc đã tiếp nhận nguồn tin tội phạm của ông S và đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S bàn giao vật chứng xe mô tô 76S7-9041, nên ngày 11/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã chuyển giao xe mô tô 76S7-9041 và tài liệu có liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi để tiếp nhận điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Văn Đ đã vi phạm vào khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 quy định về xử phạt

vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Theo đề nghị của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, Trưởng Công an huyện S ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Văn Đ số tiền 750.000 đồng là có căn cứ.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, các bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không còn yêu cầu gì về phần dân sự; bà Đinh Thị C1 và bà Đinh Thị Ph không yêu cầu bị cáo Đ trả lại số tiền 3.000.000đồng đã mượn (trong đó bà C1 là 1.000.000đồng và bà Ph 2.000.000đồng), Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 mũ bảo hiểm 3/4 đầu, màu sơn Đỏ, có kính chắn gió phía trước; 01 áo mưa màu sơn Đỏ thẫm, phía sau có dòng chữ elf gaz danang và 01 đôi dép xốp, màu xanh - đen, có dòng chữ DUWA, mặt ngoài quai dép có màu trắng sọc ngang là các vật chứng có giá trị sử dụng không đáng kể, đây là phương tiện bị cáo sử dụng trên người khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Hội đồng xét xử thấy cần tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47 và Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2020.

2. Về vật chứng: Tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm 3/4 đầu, màu sơn Đỏ, có kính chắn gió phía trước; 01 áo mưa màu sơn Đỏ thẫm, phía sau có dòng chữ elf gaz danang và 01 đôi dép xốp, màu xanh - đen, có dòng chữ DUWA, mặt ngoài quai dép có màu trắng sọc ngang theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2021 giữa Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mến

Nơi nhận:
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện S;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện S;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án + Án văn.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Phèng **Nguyễn Thị Nguyệt** **Trần Mến**